

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai dự toán ngân sách Quý 2 năm 2024

- Thời gian: 7 giờ 30 phút, ngày 03/07/2024 (Thứ Tư).
- Địa điểm: Tại phòng GV trường Trung học cơ sở Long Trường.
- **Thành phần niêm yết kết quả:**
 - + Bà: Nguyễn Ngọc Thảo - Hiệu trưởng
 - + Bà: Trần Thị Kim Ngân - Kế toán
 - + Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hồng - Thủ quỹ
 - + Ông: Lê Minh Tài - CTCD
- **Có sự chứng kiến:**
 - + Ông: Châu Văn Nhân - TB. Thanh tra nhân dân.
 - + Ông: Trương Văn Đi - Bảo vệ

Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách Quý 2 năm 2024 (Biểu số 2 ban hành kèm Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính)

Thời gian niêm yết từ ngày 03/07/2024 đến hết ngày 02/08/2024 .

Biên bản kết thúc lúc 7 giờ 40 phút cùng ngày.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thảo

NGƯỜI THỰC HIỆN NIÊM YẾT:

Trần Thị Kim Ngân

NGƯỜI CHỨNG KIẾN:

Châu Văn Nhân

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION

DEPARTMENT OF EDUCATION
SUVA, FIJI

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI


THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF DISTANCE EDUCATION
SUVA, FIJI







123

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Quý 2 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18358/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Thủ Đức về việc giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý 2 năm 2024 của trường THCS Long Trường (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH(đề BC);
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Ngọc Thảo

THE STATE OF TEXAS,
COUNTY OF [illegible]

NOTICE

TO ALL WHOM THESE PRESENTS SHALL COME

WHEREAS [illegible]

[The following text is extremely faint and largely illegible, appearing to be the main body of a legal notice or contract.]

[illegible]

WITNESSETH

That the within and foregoing is the true and correct copy of the original of the same as the same appears by the records of the County of [illegible] State of Texas.

Given under my hand and seal of office this [illegible] day of [illegible] 19[illegible].

[illegible]



[illegible signature]

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 2 Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 188 /QĐ-THCSLT ngày 03/07/2024 của trường THCS Long Trường)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao
A	B	1
A.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I.	Số thu phí, lệ phí	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.657.946.245
I.	Nguồn ngân sách trong nước	13.657.946.245
1.	Chi quản lý hành chính	
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.657.946.245
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.265.597.245
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.392.349.000
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5.	Chi bảo đảm xã hội	
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6.	Chi hoạt động kinh tế	
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11.	Quốc phòng	
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội	
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II.	Nguồn viện trợ	
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Ngày 3 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thảo

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai thu – chi sự nghiệp Quý 2 năm 2024

- Thời gian: 7 giờ 30 phút, ngày 03/07/2024 (Thứ Tư).
- Địa điểm: Tại phòng GV trường Trung học cơ sở Long Trường.

- Thành phần niêm yết kết quả:

- | | |
|----------------------------|---------------|
| + Bà: Nguyễn Ngọc Thảo | - Hiệu trưởng |
| + Bà: Trần Thị Kim Ngân | - Kế toán |
| + Bà: Nguyễn Thị Ngọc Hồng | - Thủ quỹ |
| + Ông: Lê Minh Tài | - CTCĐ |

Có sự chứng kiến:

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| + Ông: Châu Văn Nhân | - TB. Thanh tra nhân dân. |
| + Ông: Trương Văn Đi | - Bảo vệ |

Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán thu – chi sự nghiệp Quý 2 năm 2024 (Báo Cáo số chi tiết số dư tài khoản 111 và tài khoản 112)

Thời gian niêm yết từ ngày 03/07/2024 đến hết ngày 02/08/2024 .

Biên bản kết thúc lúc 7 giờ 40 phút cùng ngày.



NGƯỜI THỰC HIỆN NIÊM YẾT:

Trần Thị Kim Ngân

NGƯỜI CHỨNG KIẾN:

Châu Văn Nhân

Dear Sir,

I am pleased to inform you that your application for the position of [Job Title] has been received and is currently under consideration. We have received a large number of applications and we are sorry that we cannot accept all of them. We will contact you again if we are able to offer you the position.

Yours faithfully,



[Handwritten signature]

[Printed name]

[Handwritten signature]

[Printed name]

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thu – chi sự nghiệp Quý 2 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 18358/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Thủ Đức về việc giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu – chi sự nghiệp Quý 2 năm 2024 của trường THCS Long Trường (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH(để BC);
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thảo



Agustin, Eric

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ CỦA TÀI KHOẢN

Quý 2 Năm 2024

Tài khoản : 1111 - Tiền Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

Mã đối tượng	Nguồn	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
TM01		Tiền mặt học phí	1.080.000		540.000		1.620.000		1.620.000	
TM02		Tiền mặt học phí buổi hai	126.352.468		194.880.000	289.847.400	540.040.000	508.654.932	31.385.068	
TM03		Tiền mặt Bảo hiểm tai nạn	540.000		90.000		630.000		630.000	
TM06		Tiền mặt Anh văn tăng cường	23.572.000		28.656.000	38.000.000	105.228.000	91.000.000	14.228.000	
TM07		Tiền mặt Anh văn GV Bản ngữ	48.820.000		148.860.000	165.000.000	412.680.000	380.000.000	32.680.000	
TM08		Tiền mặt Ân phẩm, đề giấy thi, ứng dụng CNTT	4.960.000		8.495.000	4.000.000	21.455.000	12.000.000	9.455.000	
TM13		Tiền mặt thu Vật dụng bán trú	186.000				570.000	384.000	186.000	
TM14		Tiền mặt tổ chức phục vụ bán trú	23.796.600		66.285.000	65.100.000	150.465.000	125.483.400	24.981.600	
TM15		Tiền mặt Tin học Quốc tế IC3	35.400.000		65.280.000	81.000.000	193.680.000	174.000.000	19.680.000	
TM16		Tiền mặt Bảo hiểm y tế	13.602.300		21.272.400	20.340.200	66.859.200	52.324.700	14.534.500	
TM18		Tiền mặt Kỹ năng sống	49.160.000		94.100.000	114.000.000	263.260.000	234.000.000	29.260.000	
TM20		Dịch vụ ứng dụng CNTT (K12 online)	3.700.000		5.400.000		14.100.000	5.000.000	9.100.000	
TM99		Tiền mặt sự nghiệp khác	40.000.000		40.000.000	80.000.000	140.000.000	140.000.000		
TM/THC HNU		Tiền mặt THCH nước uống	2.339.000		20.140.000	3.577.000	30.240.000	11.338.000	18.902.000	

Mã đối tượng	Nguồn	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
TMTHC HTẢ		Tiền mặt THCH Tiền ăn	20.170.000		217.470.000	225.170.000	483.330.000	470.860.000	12.470.000	
		Cộng	393.678.368		911.468.400	1.086.034.600	2.424.157.200	2.205.045.032	219.112.168	

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Người lập sổ
(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Tháo

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ DƯ CỦA TÀI KHOẢN

Quý 2 Năm 2024

Tài khoản : 1121 - Tiền Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

Mã đối tượng	Nguồn	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
TG01K B	A	Tiền gửi học phí kho bạc	1	2	3	4	5	6	7	8
			861.221.533		1.300.800.000	533.233.953	2.351.040.000	722.252.420	1.628.787.580	
TG02		Tiền gửi học phí buổi hai	98.890.901		333.640.000	330.698.844	668.280.000	566.447.943	101.832.057	
TG03		Tiền gửi Bảo hiểm tai nạn trích lại	15.787.764		30.000		120.000		15.817.764	
TG06		Tiền gửi Anh văn tăng cường	68.813.100		55.960.000	68.926.688	149.100.000	93.253.588	55.846.412	
TG07		Tiền gửi Anh văn GV bản ngữ	154.875.600		163.320.000	281.431.600	466.540.000	429.776.000	36.764.000	
TG08		Tiền gửi Học phẩm, ứng dụng CNTT	106.743.065		4.150.000	27.019.640	12.720.000	146.083.472	83.873.425	
TG12		Tiền gửi lãi gửi ngân hàng		7.907	964.838	840.796	1.873.525	1.757.390	116.135	
TG13		Tiền gửi thu Vật dụng bán trú	28.240.000			4.329.200	30.495.000	6.584.200	23.910.800	
TG14		Tiền gửi tổ chức phục vụ bán trú	48.352.500		98.750.000	75.249.300	213.610.000	141.756.800	71.853.200	
TG15		Tiền gửi Tin học Quốc tế IC3	148.578.000		88.680.000	158.652.200	246.480.000	167.874.200	78.605.800	
TG16		Tiền gửi Bảo hiểm y tế	78.104.649		20.680.400	28.941.463	60.736.263	73.397.013	69.843.586	
TG17		Tiền gửi Cải cách lương	254.923.347			50.317.243		50.317.243	204.606.104	
TG18		Tiền gửi GD Kỹ năng sống	74.130.400		121.840.000	180.074.000	297.980.000	282.083.600	15.896.400	
TG20		Tiền gửi dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT (K12 online)	5.600.000		100.000		5.500.000		5.700.000	
TG21		Tiền gửi doanh thu nhận trước						30.305.000		

Mã đối tượng	Nguồn	Tên đối tượng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Lũy kế		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
TG99		Tiền gửi sự nghiệp khác	61.210.000		80.000.000	6.044.200	142.210.000	7.044.200	135.165.800	
TGBST N		Tiền gửi bổ sung thu nhập	135.575.610		344.488.613	390.000.000	344.488.613	408.922.800	90.064.223	
TGCCT CKB		Tiền gửi CCTL kho bạc	582.393.046					508.916.488	582.393.046	
TGKT		Tiền gửi khen thưởng	27.991.061					19.700.000	27.991.061	
TGNS		Tiền gửi ngân sách			1.901.081.111	1.901.081.111	2.927.789.806	2.927.789.806		
TGPL		Tiền gửi phúc lợi	268.047.665			71.760.000		351.160.000	196.287.665	
TGPTH DSN		Tiền gửi Phát triển HD sự nghiệp	425.529.113			59.995.600		71.699.600	365.533.513	
TGTHC HKHAC		Tiền gửi THCH Khác			30.900.000	30.900.000	39.900.000	118.350.000		
TGTHC HNU		Tiền gửi THCH nước uống	64.437.750			45.301.000		70.525.000	19.136.750	
TGTHC HTA		Tiền gửi THCH Tiền ăn	82.100.000		333.710.000	427.620.000	749.800.000	982.110.000	11.810.000	
TGTR		Tiền gửi phải trả						2.210.000		
		Cộng	3.591.545.104	7.907	4.879.094.962	4.672.416.838	8.708.663.207	8.180.316.763	3.810.025.321	11.810.000

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Thảo

Người lập số
(Ký, họ và tên)



Trần Thị Kim Ngân

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Số: 77/QĐ-THCSLT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Thủ Đức, ngày 05 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Quý 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18358/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Thủ Đức về việc giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý 1 năm 2024 của trường THCS Long Trường (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH(đề BC);
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Ngọc Châu



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ- QĐ-THCSLT ngày 05 /04/2024 của trường THCS Long Trường)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao
A	B	1
A.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I.	Số thu phí, lệ phí	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1.	Phí	
2.	Lệ phí	
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.657.946.245
I.	Nguồn ngân sách trong nước	13.657.946.245
1.	Chi quản lý hành chính	
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.657.946.245
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.265.597.245
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.392.349.000
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5.	Chi bảo đảm xã hội	
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6.	Chi hoạt động kinh tế	

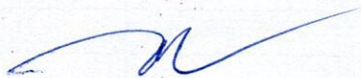
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11.	Quốc phòng	
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội	
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II.	Nguồn viện trợ	
III.	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Ngày 5 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

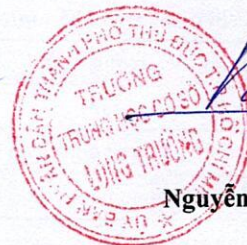
Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Kim Ngân



Trần Thị Kim Ngân



Nguyễn Ngọc Thảo